

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
KENANGA VIET NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CBTT-KVS

Thành phố Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM (“Công Ty”)

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: KVS

- Địa chỉ: 2D, Phố Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 0243.7101076

Fax: 024.39411418

- E-mail: info@vbsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2022

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23/02/2022 tại đường dẫn www.vbsc.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu liên quan đến nội
dung thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG
KHOÁN KENANGA
VIỆT NAM**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA
VIỆT NAM
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Quận Ba
Đình, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT
NAM,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:010
2560723
Date: 2023.02.23 16:51:46 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thanh Trà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Cao Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Nguyễn Ngọc Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Đặng Hồng Thi	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Phạm Lê Tú Uyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Phạm Quốc Huân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Hoàng Thị Hồng Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2022)
Ông Đặng Đình Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2022)
Bà Cao Khánh Phụng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Kho Yaw Huat	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Wee Kim Hon	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Chay Wai Leong	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Trần Đức Vũ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đăng Khôi	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Phan Thanh Trà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Từ ngày 12 tháng 5 năm 2022 đến hiện tại)
Ông Cao Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Đến trước ngày 12 tháng 5 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như báo cáo kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Số: 023 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 2 của Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó, Công ty trình bày thông tin về vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động liên tục và các giải pháp đã và đang thực hiện để Công ty tiếp tục hoạt động trong thời gian tới.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 24 của Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó, Công ty trình bày thông tin về việc chưa xác định nghĩa vụ tiềm tàng có thể phát sinh từ giao dịch kinh tế trong hoạt động kinh doanh chưa phù hợp với quy định của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về "Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán".

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 25 của Thuyết minh báo cáo tài chính; Tại đó, Công ty trình bày thông tin về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán số 009B/2022/BCKT-HT.00050 ngày 15 tháng 3 năm 2022 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp không tuân thủ quy định của Thông tư số 210/2012/TT-BTC; Theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2022 về việc xử lý các khoản công nợ tồn đọng và các tài sản cố định không còn tồn tại, Công ty đã điều chỉnh lại các chỉ tiêu báo cáo tài chính - Số liệu so sánh cho mục tiêu đảm bảo số liệu báo cáo tài chính phù hợp với thực tế tại Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		92.688.810.585	16.236.846.857
I. Tài sản tài chính	110		92.583.960.585	15.901.694.357
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	92.543.322.755	10.541.091.121
1.1. Tiền	111.1		92.543.322.755	10.541.091.121
2. Trả trước cho người bán	118	6	4.380.000.000	5.350.000.000
3. Các khoản phải thu khác	122	7	38.895.637.830	38.895.603.236
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(43.235.000.000)	(38.885.000.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		104.850.000	335.152.500
1. Tạm ứng	131		61.850.000	78.085.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		-	257.067.500
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		43.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		2.337.803.981	3.120.032.139
I. Tài sản cố định	220		1.798.863.489	2.437.650.239
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.798.863.489	2.437.650.239
- Nguyên giá	222		6.595.224.000	7.816.116.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(4.796.360.511)	(5.378.465.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	250		538.940.492	682.381.900
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		14.247.287	218.098.000
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	11	524.693.205	464.283.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		95.026.614.566	19.356.878.996
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		43.569.128	39.359.833
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		43.569.128	39.359.833
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	12	38.004.833	39.359.833
2. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		5.564.295	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		94.983.045.438	19.317.519.163
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	94.983.045.438	19.317.519.163
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		220.000.000.000	135.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		220.000.000.000	135.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		220.000.000.000	135.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		(125.016.954.562)	(115.682.480.837)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(125.016.954.562)	(115.682.480.837)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		95.026.614.566	19.356.878.996

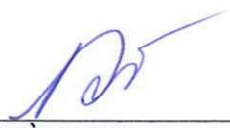
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	14	10.547.688.624	10.547.688.624
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tiền gửi của khách hàng	026	15	103.835.690	97.546.970
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		103.835.690	97.546.970
2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	16	103.835.690	97.546.970
2.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		103.835.690	97.546.970


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng




Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			-	-
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			-	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		55.014.038	2.689.771
3.2 Doanh thu khác về đầu tư	44		60.409.305	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42 => 44)	50		115.423.343	2.689.771
IV. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	17	9.336.014.101	6.496.572.894
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		(9.220.590.758)	(6.493.883.123)
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71	18	141.000	1.136.280.344
7.2 Chi phí khác	72	19	114.023.967	609.405.543
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(113.882.967)	526.874.801
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(9.334.473.725)	(5.967.008.322)
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		(9.334.473.725)	(5.967.008.322)
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	20	-	-
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(9.334.473.725)	(5.967.008.322)
10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	21	(594)	(442)


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng


Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	(9.334.473.725)	(5.967.008.322)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	4.868.471.407	1.561.297.163
- Khấu hao TSCĐ	03	633.394.750	1.399.812.477
- Các khoản dự phòng	04	4.350.000.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(114.923.343)	161.484.686
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	1.408.327.914	(3.686.520.003)
- Tăng/giảm phải thu khác	39	969.965.406	440.071.086
- Tăng/giảm các tài sản khác	40	(26.765.000)	(29.106.559)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	42	257.067.500	(2.969.541.397)
- Tăng/giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(1.355.000)	1.060.000
- Tăng/giảm phải trả, phải nộp khác	50	5.564.295	(1.129.003.133)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	203.850.713	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(3.057.674.404)	(8.092.231.162)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(105.108.000)	(3.092.973.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	62	110.000.000	972.727.272
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	55.014.038	2.689.771
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	59.906.038	(2.117.556.157)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	85.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	85.000.000.000	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	82.002.231.634	(10.209.787.319)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	10.541.091.121	20.750.878.440
- Tiền	101.1	10.541.091.121	20.750.878.440
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	92.543.322.755	10.541.091.121
- Tiền	103.1	92.543.322.755	10.541.091.121


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng




Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	6.288.720	2.447.925
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	20	6.288.720	2.447.925
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	97.546.970	92.423.298
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	97.546.970	92.423.298
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	103.835.690	94.871.223
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	103.835.690	94.871.223


 Trần Thị Dung
 Người lập biểu


 Trần Thị Dung
 Q. Kế toán trưởng


 Phan Thanh Trà
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2021	01/01/2022 (Trình bày lại)	Năm trước		Năm nay		31/12/2021	31/12/2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	85.000.000.000	-	135.000.000.000	220.000.000.000
2. LNST chưa phân phối	13	(109.715.472.515)	(115.682.480.837)	(5.967.008.322)	-	(9.334.473.725)	-	(115.682.480.837)	(125.016.954.562)
Tổng vốn chủ sở hữu	13	25.284.527.485	19.317.519.163	(5.967.008.322)	-	75.665.526.275	-	19.317.519.163	94.983.045.438

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 13.


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng



Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam) ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GPHĐKD ngày 03 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 124/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 12 năm 2022. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 220.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại số 2D, phố Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán.

Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ tháng 8 năm 2015.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UBCK về việc đình chỉ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán của Công ty. Thời hạn đình chỉ từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến ngày 25 tháng 6 năm 2023.

Hạn chế cho vay

Công ty chứng khoán không được cho vay tiền và chứng khoán dưới mọi hình thức, trừ trường hợp công ty chứng khoán cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán của Bộ Tài chính.

Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về "Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán" và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp trực tiếp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty TNHH hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp, dự án kinh doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Hạn chế đầu tư (Tiếp theo)**

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có những dấu hiệu ảnh hưởng đến hoạt động liên tục như sau:

- Từ tháng 8 năm 2015, Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ tháng 8 năm 2015, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lại.
- Theo Quyết định số 1070/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty bị đình chỉ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán của Công ty từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến ngày 25 tháng 6 năm 2023, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa được cấp phép lại.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lỗ lũy kế là 121.691.954.562 VND, đồng thời, trong năm, không có phát sinh doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Tuy nhiên, Công ty đã và đang thực hiện sắp xếp các nhân sự chủ chốt, cơ cấu lại các khoản nợ và tăng vốn bổ sung từ các cổ đông để cải thiện tình hình tài chính.

Đến ngày 29 tháng 9 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn và được UBCK thông báo về việc đã nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam theo Công văn số 6882/UBCK-QLKD ngày 14 tháng 10 năm 2022.

Công ty đã tăng vốn để đảm bảo các hoạt động trong tương lai. Do đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty tin tưởng rằng việc áp dụng giả định hoạt động liên tục cho việc lập báo cáo tài chính của Công ty là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty.
- Công ty TNHH Hưng An Điền: Cổ đông lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

Kết thúc năm tài chính, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/ giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Năm)
Máy móc, thiết bị	02 - 04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

- **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng.

- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Là khoản phí chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ hoàn thành.

- **Thu nhập hoạt động khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu, từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	109.605.717	117.336.750
Tiền gửi ngân hàng (i)	92.433.717.038	10.423.754.371
Cộng	92.543.322.755	10.541.091.121

Ghi chú:

- (i) Tiền gửi ngân hàng trong đó bao gồm tiền góp vốn của các cổ đông hiện hữu trên Tài khoản số 000002455357 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Hà Nội với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 92.212.889.833 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Luật sư Đỗ Cao Thắng (i)	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc (ii)	500.000.000	500.000.000
Luật sư Nguyễn Tổ Loan (iii)	500.000.000	500.000.000
Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền (iv)	400.000.000	400.000.000
Công ty Luật Tuấn Minh (v)	150.000.000	150.000.000
Các đối tượng khác	30.000.000	1.000.000.000
Cộng	4.380.000.000	5.350.000.000

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tư vấn pháp lý với Luật sư Đỗ Cao Thắng số 01/KDTM/2021/HĐDVPL-ĐCT ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo đó, Ông Đỗ Cao Thắng đứng ra bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Công ty trong vụ án Kinh doanh thương mại với Tổng Công ty Bất động sản Đông Á tại mọi cấp Tòa án và các cơ quan chấp pháp.
- (ii) Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc số 1908/2016/HDDVPL-BN ngày 19 tháng 8 năm 2016, theo đó, Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc thực hiện dịch vụ pháp lý cho Công ty về các biện pháp nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc xử lý các hậu quả do nguyên Q.TGD Nguyễn Việt Hải gây ra trong việc ký các hợp đồng hợp tác đầu tư, thuê mướn, mua sắm,.... Tiền thù lao cố định cho toàn bộ dịch vụ là 1.500.000.000 VND (không bao gồm 10% thuế GTGT. KVS chịu trách nhiệm trả thuế GTGT thay cho Công ty Bảo Ngọc. Số tiền này không tính vào khoản thù lao). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã tạm ứng lần 1 cho Bảo Ngọc.
- (iii) Hợp đồng với Luật sư Nguyễn Thị Tổ Loan số 05/2019/HĐPL-VPLS ngày 31 tháng 12 năm 2019; Phụ lục HDDVPL số 01/2021/HĐPL-VPLS ngày 25 tháng 10 năm 2021, theo đó, Bà Nguyễn Tổ Loan thay mặt Công ty tiếp tục gửi đơn tố giác Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Công ty số tiền 1,692 tỷ VND, các công việc bao gồm: Tư vấn và soạn thảo đơn từ, văn bản; Thu thập hồ sơ, tài liệu và chuẩn bị các căn cứ pháp lý gửi đến các cơ quan, Tòa án; Thay mặt Công ty tham gia các buổi làm việc với cơ quan chức năng;....
- (iv) Hợp đồng Dịch vụ pháp lý với Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền số 06/2016/HĐ ngày 07 tháng 9 năm 2016, theo đó, Luật sư Nguyễn Thế Quyền cử luật sư tham gia tố tụng ở giai đoạn tố cáo đến khi có Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố các bị can về việc vi phạm pháp luật về hình sự để chiếm đoạt tài sản của Công ty. Phí văn phòng và phí hoạt động dịch vụ: 400.000.000 VND. Thời hạn thanh toán: Công ty thanh toán cho văn phòng luật sư toàn bộ số tiền phí trong vòng 5 ngày sau khi ký hợp đồng; Số tiền phí hợp đồng dịch vụ sẽ được chuyển 7 ngày sau khi ký hợp đồng.
- (v) Hợp đồng Dịch vụ pháp lý với Công ty Luật Tuấn Minh số 1211/2020/HĐTT/LTM-KVS ngày 12 tháng 11 năm 2020, theo đó, Công ty Luật Tuấn Minh tư vấn pháp lý và tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trong quá trình thụ án và giải quyết sơ thẩm vụ án tranh chấp Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư giữa Công ty với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Tổng Công ty Bất động sản Đông Á (i)	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái (ii)	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC (iii)	9.500.000.000	9.500.000.000
Khương Tuấn Sơn (iv)	385.000.000	385.000.000
Đối tượng khác	10.637.830	10.603.236
Cộng	38.895.637.830	38.895.603.236

Ghi chú:**(i) Tổng Công ty Bất động sản Đông Á:**

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/HDTUVD/TKS-ĐA/2011 ngày 20 tháng 12 năm 2011 với Tổng Công ty Bất động sản Đông Á và các phụ lục số 01 và 02, về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng “Dự án Khu Resort - Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa”, giá trị 25.000.000.000 VND, thời hạn đầu tư là 10 tháng được gia hạn đến ngày 25 tháng 9 năm 2014 và lợi nhuận thỏa thuận là 2%/tháng, giảm xuống còn 1,2%/tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2012. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng vay này bao gồm: Nhà số 31 Hàng Than; Khu Resort “Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa” và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất thửa số 1343, thôn Châu An, xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa;

Theo biên bản làm việc ngày 13 tháng 02 năm 2014, hai bên đã thống nhất lộ trình thanh toán các khoản nợ, nhưng đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được khoản tiền nào từ Tổng Công ty Bất động sản Đông Á theo như Biên bản đã ký. Công ty đã ngừng dự thu lợi nhuận của Công ty Bất động sản Đông Á từ ngày 28 tháng 02 năm 2013 và trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định.

Công ty nộp đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa và đã có Bản án sơ thẩm số 12/2016/KDTM-ST ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Tòa án Nhân dân Thành phố Thanh Hóa và Bản án phúc thẩm số 16/2016/KDTM-PT ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Ngày 28 tháng 10 năm 2016, Công ty đã có đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên và nhận được Quyết định giám đốc thẩm số 01/2019/KDTM-HĐT ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, Tòa án Nhân dân tối cao đã ra Quyết định giám đốc thẩm số 09/2020/KDTM-GĐT ngày 08 tháng 7 năm 2020.

Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

- Chấp thuận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2020 của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao.
- Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 01/2019.
- Giao hồ sơ cho Tòa án Nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử lại thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, vụ việc vẫn đang trong quá trình giải quyết.

(ii) Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái:

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 14/HDTUVD/TKS/TN/2012 ngày 27 tháng 8 năm 2012 với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái và các phụ lục: số 01/PLHDTYVD/TKS-PT/2013 ngày 27 tháng 02 năm 2013; số 02/PLHDTYVD/TKS-PT/2013 ngày 03 tháng 10 năm 2013 về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện “Dự án xây dựng Bệnh viện Phúc Thái tại Thái Nguyên”: Thời hạn đầu tư 6 tháng, gia hạn đến ngày 27 tháng 9 năm 2013 và tiếp tục được gia hạn tới ngày 27 tháng 11 năm 2013; lợi nhuận: 1,5%/tháng và giảm xuống 1,2%/tháng từ ngày 27 tháng 02 năm 2013. Số tiền góp của Công ty là 7 tỷ VND. Tài sản đảm bảo bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa số 359, phường Cái Đan, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)Ghi chú (Tiếp theo):

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, thời hạn thu hồi hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư đã quá hạn hơn 7 tháng so với thời hạn đã gia hạn. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định và ngừng thu lãi của hợp đồng từ ngày 01 tháng 4 năm 2013;

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, Công ty đã có đơn khởi kiện Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái ra Tòa án Nhân dân Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Do chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn và Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái không còn hoạt động trên địa bàn đăng ký kinh doanh. Ngày 29 tháng 6 năm 2018, Công ty đã có văn bản gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội đề nghị xử lý hình sự đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Công ty đã gửi đơn khởi kiện lên công an đề nghị khởi tố hình sự đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện tại, vụ án đang được điều tra và chưa có kết luận của cơ quan điều tra. Chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn và Công ty không còn hoạt động tại địa bàn đăng ký kinh doanh. Đến thời điểm hiện tại, vụ việc vẫn đang trong quá trình giải quyết.

(iii) Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC (Tên hiện tại: Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden - TNC):

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/PLHĐTUVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 26 tháng 7 năm 2012 với Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC và Phụ lục số 01/PLHĐTUVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 30 tháng 9 năm 2012 để nghiên cứu cơ hội đưa ra phương án tốt nhất và Bên A (Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden) thực hiện dự án: Thời hạn đầu tư 2 tháng, được gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 01 năm 2013. Lợi nhuận: 1,5%/tháng. Số tiền góp của Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC là 9,5 tỷ VND. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại 99 Mai Hắc Đế, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội của ông Nguyễn Tiến Hùng và bà vợ Lê Kim Dung.

Theo Bản án số 29/2019/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận Hai Bà Trưng xử: Buộc Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden -TNC phải trả cho Công ty số tiền 9,5 tỷ VND. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc phát mại tài sản đảm bảo. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình số 08/QĐ-CCTHADS ban hành Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden - TNC về việc phải trả cho Công ty số tiền 9,5 tỷ VND.

(iv) Khương Tuấn Sơn

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 02/HĐTUVĐT/KVS/2012 ngày 25 tháng 6 năm 2012 với ông Khương Tuấn Sơn với mục đích hoàn thiện nhà; Thời gian 6 tháng; lợi nhuận 1,8%/tháng. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa số 54B, Tổ dân phố Yên Phúc, Phường Yên Giang, Quận Hà Đông, Hà Nội. Các phụ lục: Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTUVĐT/2012 gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 25 tháng 3 năm 2013; Phụ lục số 02/PLHĐTUVĐT/2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013 gia hạn đến ngày 25 tháng 11 năm 2014 và điều chỉnh lợi nhuận xuống còn 1,2%/tháng.

Công ty đã ngừng dự thu lãi hợp đồng này và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định.

Đến thời điểm hiện tại, Ông Khương Tuấn Sơn không có khả năng trả nợ, Công ty đã xác định không thu hồi được giá trị vốn tạm ứng, đã thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi vốn, phần công nợ còn lại là khoản không còn khả năng thu hồi chờ xử lý xóa sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay				Số đầu năm
	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	
VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dự phòng trả trước cho người bán khó đòi					
Luật sư Đỗ Cao Thắng	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-	2.800.000.000
Luật sư Nguyễn Tố Loan	500.000.000	-	500.000.000	-	500.000.000
Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền	400.000.000	-	400.000.000	-	400.000.000
Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc	500.000.000	-	500.000.000	-	500.000.000
Công ty Luật Tuấn Minh	150.000.000	-	150.000.000	-	150.000.000
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi					
Tổng Công ty Bất động sản Đông Á	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000
Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC	9.500.000.000	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
Khuong Tuấn Sơn	385.000.000	385.000.000	-	-	385.000.000
Cộng	43.235.000.000	38.885.000.000	4.350.000.000	-	38.885.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	30.960.000	7.753.156.000	32.000.000	-	7.816.116.000
Mua trong năm	105.108.000	-	-	-	105.108.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.326.000.000)	-	-	(1.326.000.000)
Số dư cuối năm	136.068.000	6.427.156.000	32.000.000	-	6.595.224.000
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	30.960.000	5.339.938.123	7.567.638	-	5.378.465.761
Khấu hao trong năm	96.349.000	512.613.388	24.432.362	-	633.394.750
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.215.500.000)	-	-	(1.215.500.000)
Số dư cuối năm	127.309.000	4.637.051.511	32.000.000	-	4.796.360.511
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	-	2.413.217.877	24.432.362	-	2.437.650.239
Số dư cuối năm	8.759.000	1.790.104.489	-	-	1.798.863.489

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.862.960.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 5.188.960.000 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	-	-
Số dư cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	-	-
Số dư cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 0 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 0 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	464.283.900	464.283.900
Tiền lãi phân bổ trong năm	60.409.305	-
Cộng	524.693.205	464.283.900

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải nộp	38.004.833	39.359.833
Thuế TNCN	6.500.000	7.855.000
Thuế khác	31.504.833	31.504.833

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.000.000.000	(109.715.472.515)	25.284.527.485
Lỗi năm trước (Trình bày lại)	-	(5.967.008.322)	(5.967.008.322)
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	135.000.000.000	(115.682.480.837)	19.317.519.163
Tăng vốn trong năm (i)	85.000.000.000	-	85.000.000.000
Lỗi năm nay	-	(9.334.473.725)	(9.334.473.725)
Số dư cuối năm nay	220.000.000.000	(125.016.954.562)	94.983.045.438

Theo Nghị quyết số 01/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng vốn của các cổ đông của Công ty; thay đổi danh sách cổ đông của Công ty, đồng thời sửa đổi điều lệ của Công ty; thông qua Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc mới của Công ty.

(i) Tăng vốn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 23/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 8.500.000 cổ phiếu;
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông;
- Giá thực hiện bán 10.000 VND/ cổ phiếu;
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng được phân bổ quyền mua cổ phiếu;
- Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng sẽ được sử dụng như sau: Phục vụ cho các hoạt động kinh doanh các nghiệp vụ kinh doanh đã được cấp phép và hoạt động kinh doanh khác 77.000.000.000 VND; chi phí lương, thưởng, phụ cấp cho người lao động 3.000.000.000 đồng; chi phí thuê văn phòng 5.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa sử dụng nguồn vốn tăng thêm trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hưng An Điền	107.800.000.000	49,00	-	-
Bà Phạm Lê Tú Uyên	44.000.000.000	20,0	-	-
Bà Phan Thanh Trà	37.211.460.000	16,91	-	-
Bà Đặng Hồng Thi	30.988.540.000	14,09	-	-
K&N Kenanga Holdings Berhad	-	-	66.150.000.000	49,00
Ông Cao Văn Sơn	-	-	36.833.310.000	27,28
Cổ đông khác	-	-	32.016.690.000	23,72
Cộng	220.000.000.000	100	135.000.000.000	100

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	22.000.000	13.500.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	22.000.000	13.500.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	VND/cổ phiếu

14. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 5 năm 2022, Công ty đã thông qua xóa bỏ công nợ của Công ty đối với các khoản phải thu, đầu tư, tồn đọng từ lâu, không ghi chi tiết đối tượng phải thu, không có hồ sơ lưu liên quan. Theo đó, Công ty đã ghi giảm các khoản phải thu, đầu tư này và giảm dự phòng tương ứng.

Đối tượng	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Tổng Thị Bích Đào	393.799.261	393.799.261
Nguyễn Văn Chuyên	470.911.000	470.911.000
Lã Quốc Hùng	413.000.000	413.000.000
Vũ Cát Sự	266.294.346	266.294.346
Huỳnh Thiện Phúc Ngủ	151.583.806	151.583.806
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC	224.200.000	224.200.000
Nguyễn Thị Hằng Nga	2.752.765.225	2.752.765.225
Nguyễn Văn Chuyên	306.404.644	306.404.644
Nguyễn Hữu Minh	416.757.878	416.757.878
Lê Hoàng Tuấn	607.012.515	607.012.515
Nguyễn Thị Vui	544.355.109	544.355.109
Trần Thị Hồng Anh	580.999.605	580.999.605
Đối tượng khác	3.419.605.235	3.419.605.235
Cộng	10.547.688.624	10.547.688.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.835.690	97.546.970
Cộng	103.835.690	97.546.970

16. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.835.690	97.546.970
Cộng	103.835.690	97.546.970

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	1.459.189.406	2.303.525.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	633.394.750	1.394.652.477
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.890.429.945	2.795.395.417
Chi phí dự phòng	4.350.000.000	-
Cộng	9.336.014.101	6.496.572.894

18. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Điều chỉnh các khoản phải trả	-	1.136.180.344
Thu nhập khác	141.000	100.000
Cộng	141.000	1.136.280.344

19. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	113.523.967	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	500.000	164.174.457
Điều chỉnh các khoản phải thu	-	445.231.086
Cộng	114.023.967	609.405.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán đã thực hiện trước thuế	(9.334.473.725)	(5.967.008.322)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.350.000.000	-
Cộng: Chi phí không được trừ	4.350.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	(4.984.473.725)	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(9.334.473.725)	(5.967.008.322)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	15.712.329	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(594)	(442)

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty không có các giao dịch, số dư trọng yếu với các bên liên quan.

Công ty chưa quyết định chi trả các khoản thù lao, lương thưởng của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong năm.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	92.543.322.755	10.541.091.121
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	94.983.045.438	19.317.519.163
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.543.322.755	10.541.091.121
Các khoản phải thu, phải thu khác	(4.339.362.170)	10.603.236
Các khoản ký quỹ	14.247.287	218.098.000
Tổng cộng	88.218.207.872	10.769.792.357
Công nợ tài chính		
Các khoản phải trả	5.564.295	-
Tổng cộng	5.564.295	-

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Số cuối kỳ			
Các khoản phải thu, phải thu khác	(4.339.362.170)	-	(4.339.362.170)
Các khoản ký quỹ	-	14.247.287	14.247.287
Tổng cộng	88.203.960.585	14.247.287	88.218.207.872
Số cuối năm			
Các khoản phải trả	5.564.295	-	5.564.295
Tổng cộng	5.564.295	-	5.564.295
Chênh lệch thanh khoản thuần	88.198.396.290	14.247.287	88.212.643.577
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.541.091.121	-	10.541.091.121
Các khoản phải thu, phải thu khác	10.603.236	-	10.603.236
Các khoản ký quỹ	-	218.098.000	218.098.000
Tổng cộng	10.551.694.357	218.098.000	10.769.792.357
Số đầu năm			
Tổng cộng	-	-	-
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.551.694.357	218.098.000	10.769.792.357

24. RỦI RO TIỀM TÀNG

Khoản mục Phải thu khác (mã số 122) trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty gồm:

- + Khoản đầu tư theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/HĐTƯVĐT/KVS-ĐA/2011 ngày 20 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga với Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Á về việc: Hợp tác đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng Dự án “Khu Resort - Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa” với số tiền là 22.000.000.000 VND;
- + Khoản đầu tư theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 14/HĐTƯVĐT/KVS/TN/2012 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái về việc: Hợp tác đầu tư hoàn thiện “Dự án xây dựng Bệnh viện Phúc Thái tại Thái Nguyên” với số tiền là 7.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. RỦI RO TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)**

Khi đầu tư hai khoản này, Công ty đã vi phạm Khoản 1, Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về “Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán”. Công ty chưa ước tính nghĩa vụ có thể phát sinh cho từ việc vi phạm này.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại sau khi Ban Lãnh đạo Công ty rà soát lại số liệu và thực hiện điều chỉnh lại cho phù hợp đối với các khoản công nợ, chi phí trả trước tồn đọng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính					
Các khoản cho vay	114	1.695.588.413	-	(1.695.588.413)	(i)
Các khoản phải thu	117	224.200.000	-	(224.200.000)	
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>	<i>224.200.000</i>	-	<i>(224.200.000)</i>	(ii)
Trả trước cho người bán	118	2.412.200.000	5.350.000.000	2.937.800.000	(iii)
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	3.606.850.514	-	(3.606.850.514)	(iv)
Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121	1.449.551.587	-	(1.449.551.587)	(v)
Các khoản phải thu khác	122	42.467.101.346	38.895.603.236	(3.571.498.110)	(vi)
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	(49.432.688.624)	(38.885.000.000)	10.547.688.624	
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	2.845.560.837	257.067.500	(2.588.493.337)	(vii)
Các khoản đầu tư	212	200.000.000	-	(200.000.000)	
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>212.4</i>	<i>200.000.000</i>	-	<i>(200.000.000)</i>	(viii)
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	(200.000.000)	-	200.000.000	(viii)
Tài sản cố định hữu hình	221	2.437.650.239	2.437.650.239	-	(ix)
- Nguyên giá	222	13.645.663.168	7.816.116.000	(5.829.547.168)	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a	11.208.012.929	5.378.465.761	(5.829.547.168)	
Tài sản cố định vô hình	227	2.437.650.239	2.437.650.239	-	(ix)
- Nguyên giá	228	-	(7.684.301.890)	(7.684.301.890)	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a	-	7.684.301.890	7.684.301.890	
Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.729.312	-	(4.729.312)	(x)
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	102.494.112	-	(102.494.112)	(xi)
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	867.961.834	-	(867.961.834)	(xii)
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352	83.124.000	-	(83.124.000)	(xiii)
Lợi nhuận chưa phân phối	417	(117.090.096.758)	(115.682.480.837)	1.407.615.921	
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>	<i>(117.090.096.758)</i>	<i>(115.682.480.837)</i>	<i>1.407.615.921</i>	(iii), (vii), (x), (xi), (xii)& (xiii)
Báo cáo kết quả hoạt động					
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	7.213.239.557	6.496.572.894	(716.666.663)	(xiv)
Thu nhập khác	71	100.000	1.136.280.344	1.136.180.344	(x), (xi), (xii)& (xiii)
Chi phí khác	72	164.174.457	614.565.543	445.231.086	(xv)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)Ghi chú:

- (i) Ghi giảm chi tiêu Các khoản cho vay và ghi giảm chi tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 1.695.588.413 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến các khoản cho vay này.
- (ii) Ghi giảm chi tiêu Các khoản thu và ghi giảm chi tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 224.200.000 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến các khoản phải thu này.
- (iii) Ghi tăng chi tiêu Trả trước người bán số tiền là 2.937.800.000 VND; ghi giảm chi tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn số tiền là 3.300.000.000 VND và ghi giảm chi tiêu Lợi nhuận đã thực hiện số tiền là 362.000.000 VND do hạch toán sai.
- (iv) Ghi giảm chi tiêu khoản Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp và ghi giảm chi tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 3.606.850.514 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải thu này.
- (v) Ghi giảm chi tiêu khoản Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và ghi giảm chi tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 1.449.551.587 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải thu này.
- (vi) Ghi giảm chi tiêu khoản Các khoản phải thu khác và ghi giảm chi tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 3.571.498.110 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến các khoản phải thu này.
- (vii) Ghi giảm chi tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn số tiền là 2.588.493.337 VND; ghi tăng chi tiêu Trả trước người số tiền là 3.300.000.000 VND; tăng chi tiêu Lợi nhuận đã thực hiện số tiền là 716.666.663 VND và tăng chi tiêu Tài sản cố định hữu hình là 5.160.000 VND do hạch toán sai.
- (viii) Ghi giảm chi tiêu khoản Đầu tư dài hạn khác và ghi giảm chi tiêu Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn với số tiền là 200.000.000 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản đầu tư này.
- (ix) Ghi tăng chi tiêu Tài sản cố định hữu hình và ghi giảm chi tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn số tiền là 5.160.000 VND và do hạch toán sai. Ghi giảm chi tiêu nguyên giá Tài sản cố định và ghi tăng chi tiêu Giá trị hao mòn lũy kế số tiền là 13.544.809.058 VND do tài sản không còn tồn tại.
- (x) Ghi giảm chi tiêu khoản Phải trả người bán và ghi tăng chi tiêu Lợi nhuận đã thực hiện với số tiền là 4.729.312 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải trả này.
- (xi) Ghi giảm chi tiêu khoản Chi phí phải trả ngắn hạn và ghi tăng chi tiêu Lợi nhuận đã thực hiện với số tiền là 102.494.112 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải trả này.
- (xii) Ghi giảm chi tiêu khoản Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và ghi tăng chi tiêu Lợi nhuận đã thực hiện với số tiền là 867.961.834 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải trả này.
- (xiii) Ghi giảm chi tiêu khoản Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn và ghi tăng chi tiêu Lợi nhuận đã thực hiện với số tiền là 83.124.000 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản nhận ký quỹ, ký cược này.
- (xiv) Ghi giảm chi phí quản lý và ghi tăng chi tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn số tiền là 716.666.663 VND do hạch toán sai.
- (xv) Ghi tăng chi phí khác số tiền là 445.231.086 VND; ghi tăng chi tiêu Hao mòn lũy kế số tiền là 5.160.000 VND; ghi giảm chi tiêu Trả trước người bán ngắn hạn số tiền là 362.000.000 VND và ghi tăng chi tiêu Các khoản phải trả, phải nộp khác số tiền là 77.871.086 VND do các khoản trả trước và phải trả, phải nộp khác không có hồ sơ và các tài sản không còn tồn tại.


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng


Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	2 - 3
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	4 - 13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	14 - 19

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thanh Trà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Cao Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Nguyễn Ngọc Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Đặng Hồng Thi	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Phạm Lê Tú Uyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Phạm Quốc Huân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Hoàng Thị Hồng Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2022)
Ông Đặng Đình Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2022)
Bà Cao Khánh Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Kho Yaw Huat	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Wee Kim Hon	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Chay Wai Leong	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Trần Đức Vũ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đăng Khôi	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Phan Thanh Trà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Từ ngày 12 tháng 5 năm 2022 đến hiện tại)
Ông Cao Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Trước ngày 12 tháng 5 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Trong việc lập báo cáo này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam đoan:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Số: 024 /VACO/BCKiT.TLATTC.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2023, từ trang 04 đến trang 19. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập tuân thủ Thông tư số 91/2020/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Các báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Công ty chưa xác định nghĩa vụ tiềm tàng có thể phát sinh từ giao dịch kinh tế trong hoạt động kinh doanh chưa phù hợp với quy định của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về “Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán”.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

Công ty Cổ phần Chứng khoán
Kenanga Việt Nam
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO
Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

1. Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
2. Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
3. Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Q. Kế toán trưởng

Trưởng Ban Kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Dung



Trần Thị Thanh Nhã



Phan Thanh Trà

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	220.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-	-	-
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(125.016.954.562)	-	-
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	43.235.000.000	-	-
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-	-	-
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	-	-
16	Vốn khác (nếu có)	-	-	-
1A	TỔNG			138.218.045.438

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
2	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
3	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
5	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
7	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
10	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Phải thu nội bộ			
11	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
12	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Các khoản phải thu khác			
13	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		30.000.000	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác	-		-
	Tạm ứng	-		-
1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	61.850.000	-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	-	-	-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	43.000.000	-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-
7	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
1B	TỔNG			134.850.000

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn	-	-	-
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Các khoản đầu tư	-	-	-
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
2.2	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-
2.4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
II	Tài sản cố định	-	1.798.863.489	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	14.247.287	-
2	Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	524.693.205	-
5	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-	-	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
1C	TỔNG			2.337.803.981
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ	-	-	-
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	-	-	-
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ	-	-	-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày	-	-	-
1D	Tổng			-
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			135.745.391.457


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng




Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường				
1.	Tiền mặt (VND)	0%	92.543.322.755	
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	-	
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	
II. Trái phiếu chính phủ				
4.	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%	-	
5.	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	3%	-	
III. Trái phiếu tổ chức tín dụng				
6.	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%	-	
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm tới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến 5 năm , kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				
7.	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)			
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô
		(1)	(2)
IV. Trái phiếu doanh nghiệp			
Giá trị rủi ro (3) = (1)x(2)			
8.	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm tới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm tới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-
V. Cổ phiếu			
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ	10%	-
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-
12.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-
13.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
14.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
15.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
16.	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%		
17.	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%		
18.	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%		
19.	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%		
20.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%		
VIII. Chứng khoán phái sinh				
21.	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu			
22.	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ			
IX. Chứng khoán khác				
23.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%		
24.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc chỉ số đạt chuẩn	100%		
25.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%		
26.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%		
27.	Cổ phiếu, trái phiếu của Công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp nhận toàn phần	100%		
28.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
29.	Chứng quyền có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành			
30.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
31.	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
X. Rủi ro tăng thêm				
	Chi tiết tối thiểu mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.		20%		-
2.	...			
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

B. RỦI RO THANH TOÁN								
Rủi ro trước thời hạn thanh toán								-
Rủi ro quá thời hạn thanh toán								43.245.637.830
Rủi ro tăng thêm								-
Tổng giá trị rủi ro thanh toán								43.245.637.830
B. RỦI RO THANH TOÁN								
Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	-	-	-
2.	Cho vay tài sản tài chính/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro			Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1.	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%			-		-	
2.	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%			-		-	
3.	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%			-		-	
4.	Từ 60 ngày trở lên	100%			43.245.637.830		43.245.637.830	
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
	Chi tiết tới từng khoản	Mức tăng thêm			Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1.								
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)								43.245.637.830

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	9.450.038.068
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	4.983.394.750
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	4.466.643.318
IV.	25% tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	1.116.660.830
V.	20% vốn tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	7.000.000.000
C.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	7.000.000.000
D.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	50.245.637.830

Chi tiết các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	Giá trị
1. Chi phí khấu hao	633.394.750
2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	4.350.000.000
5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
6. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-
7. Chi phí lãi vay	-
Tổng các khoản giảm trừ khỏi Tổng chi phí	4.983.394.750


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng


Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	43.245.637.830
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	50.245.637.830
5	Vốn khả dụng	135.745.391.457
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4) (%)	270,16


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng


Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam) (“Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GPHĐKD ngày 03 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 124/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 12 năm 2022. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 220.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại số 2D, phố Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán.

Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ tháng 8 năm 2015.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UBCK về việc đình chỉ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam. Thời hạn đình chỉ từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến ngày 25 tháng 6 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và được lập tuân thủ theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo là tiền Việt Nam Đồng (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

3.1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}} \times 100\%$$

Trong đó Tổng giá trị là tổng các giá trị rủi ro thị trường (thuyết minh 3.3), rủi ro thanh toán (thuyết minh 3.4) và rủi ro hoạt động (thuyết minh 3.5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.2. Vốn khả dụng

Theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC, Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày. Vốn khả dụng của Công ty bao gồm:

- a) Vốn góp của chủ sở hữu;
- b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu;
- c) Lợi nhuận chưa phân phối;
- d) Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- e) Các khoản giảm trừ theo quy định tại mục 3.2.1;
- f) Các khoản tăng thêm theo quy định tại mục 3.2.2.

3.2.1. Các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ khỏi vốn khả dụng của Công ty phát sinh trong năm bao gồm:

- a) Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên chín mươi (90) ngày. Giá trị tài sản này được xác định theo quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC;
- b) Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ, không bao gồm chứng khoán bị loại trừ khỏi vốn khả dụng, trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ so với giá thị trường xác định theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC;
- c) Các chỉ tiêu trong tài sản dài hạn;
- d) Các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn, bao gồm:
 - Các khoản trả trước;
 - Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên chín mươi (90) ngày;
 - Các khoản tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên chín mươi (90) ngày;
 - Các tài sản ngắn hạn khác.
- e) Phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng không bao gồm: Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ, Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản khác, Dự phòng phải thu khó đòi.

3.2.2. Các khoản tăng thêm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không phát sinh các khoản tăng thêm vốn khả dụng.

3.3. Rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi.

- Theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC, Rủi ro thị trường phải được xác định đối với các tài sản sau:
 - a) Chứng khoán trên tài khoản tự doanh không bao gồm số lượng chứng quyền có bảo đảm không phát hành hết (đối với công ty chứng khoán), tài khoản giao dịch chứng khoán (đối với công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán không có nghiệp vụ tự doanh), chứng khoán ủy thác, chứng khoán đầu tư khác. Các chứng khoán trên bao gồm cả số chứng khoán trong quá trình nhận chuyển giao từ bên bán;
 - b) Chứng khoán nhận hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chứng khoán đi vay cho bản thân tổ chức kinh doanh chứng khoán, chứng khoán đi vay thay mặt cho các cá nhân, tổ chức khác;
 - c) Chứng khoán của khách hàng mà tổ chức kinh doanh chứng khoán nhận làm tài sản bảo đảm, sau đó được tổ chức kinh doanh chứng khoán sử dụng hoặc cho một bên thứ ba vay phù hợp với quy định của pháp luật;
 - d) Tiền, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, các loại giấy tờ có giá thuộc sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
 - e) Chứng khoán mà tổ chức kinh doanh chứng khoán bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn chưa phân phối và chưa nhận thanh toán đầy đủ trong thời gian bảo lãnh phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.3. Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty không có các tài sản được quy định tại mục b, c, e. Công ty phát sinh rủi ro thị trường đối với tiền, các khoản tương đương tiền, chứng chỉ quỹ.

Rủi ro thị trường được xác định như sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo Phụ lục 1, ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC; cụ thể:

TT	Loại tài sản	Hệ số rủi ro thị trường (%)
I	TIỀN	
1	Tiền mặt (VND)	0
2	Các khoản tương đương tiền	0
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0
IV	CHỨNG CHỈ QUỸ	
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30

Giá tài sản được xác định theo Phụ lục II - Nguyên tắc định giá chứng khoán, ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC; cụ thể:

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tài khoản tại ngày tính toán
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán
Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán		
14	Quỹ đóng đại chúng/Quỹ ETF	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/ICQ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.
15	Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ	Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán
16	Các trường hợp khác	Theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính***3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****3.4. Rủi ro thanh toán**

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

- Công ty phải xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác;
- Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Các khoản phải thu trong hạn của tổ chức kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán;
- Các khoản phải thu đã quá hạn.

- Đối với các hợp đồng theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1, Điều 10, Thông tư số 91/2020/TT-BTC, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \frac{\text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác}}{\text{tác}} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Trong đó:

- Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác xác định tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của đối tác giao dịch theo nguyên tắc quy định tại mục 3.4.1.
- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán xác định theo nguyên tắc quy định tại mục 3.4.2.

- Đối với các khoản phải thu quá hạn, kể cả tiền chưa nhận được từ các giao dịch, hợp đồng đáo hạn quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \frac{\text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian}}{\text{gian}} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Trong đó:

- Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được xác định căn cứ vào khoảng thời gian quá hạn thanh toán theo nguyên tắc quy định tại mục 3.4.1;
- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

- Đối với các giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ: giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán xác định theo nguyên tắc quy định tại Thuyết minh 3.4.2
- Đối với các khoản phải thu, các công cụ nợ đã đáo hạn: là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

- Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.4.1. Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán theo được xác định theo đối tác và theo thời gian

a) Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác

STT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,80%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,20%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	4,80%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

b) Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian

	Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	Hệ số rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%

3.4.2. Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản bảo đảm}), 0\}$

Giá trị tài sản đảm bảo

Giá trị tài sản bảo đảm = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.5. Rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau: 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của công ty chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- a) Chi phí khấu hao;
- b) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- c) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- d) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- đ) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác;
- e) Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- g) Chi phí lãi vay.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt vào ngày 22 tháng 02 năm 2023.


Trần Thị Dung
Người lập biểu


Trần Thị Dung
Q. Kế toán trưởng



Phan Thanh Trà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023